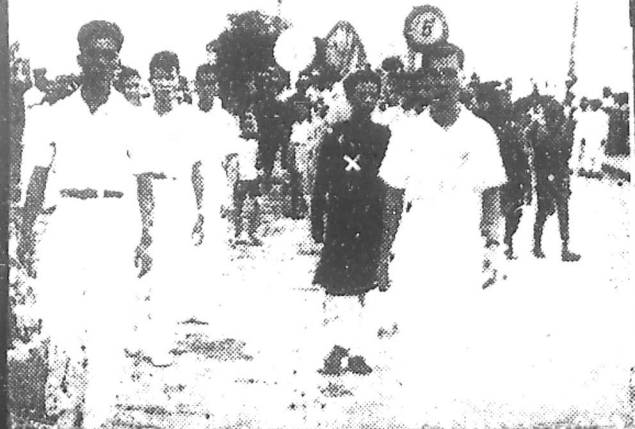


C. 860



CHÔNG NẠN THẤT HỌC

Tuần lễ vừa qua, tiểu-ban Học chánh Bắc-kỳ đã họp ban

Văn-dề chống nạn thất học trong dân-
chúng đã được đặt lên thẩm quyền

Tiền - bần đã nghĩ rằng người Việt-Nam từ 6 tuổi đến 40 tuổi đều bắt buộc phải biết chữ. Trong 3 năm, nếu ai không biết chữ thì sẽ phải nộp một khoản thuế gọi là thuế vô học.

Thật là một lễ nghi hay, đáng cho nhân dân khắp nước cổ tay hoan-nghênh.

Nhân đạo này, chúng tôi muốn hiến nha cầm quyền giáo dục một chương trình may ra có thể bài trừ được cái nạn thất - học của nhân-dân, trong một thời-gian ngắn hơn, nhẽ là không đầy ba năm, và nhất là không tổn kém gì tâm cho công-quĩ

Chống nạn thất - học, thất ra không phải là một chuyện dễ dàng. Chỉ biết đọc biết viết chữ Quốc-ngữ (hay chữ Hán, chữ Pháp cũng

vậy) có phải đã là không hiểu học vậy? Các học là biết chữ đã đành, nhưng lại phải biết nhiều điều khác nữa. Đứng về phương-diện làm dân, thì biết thế nào là quốc-gia, thế nào là chúng-lộc, thế nào là tự-chủ độc-lập, thế nào là giúp-nước giúp-nòi, thế nào là phân-quốc, diệt-chằng; thế nào là quyền-lợi, nghĩa-vụ công dân. Đứng về phương-diện làm người phải biết nhiều điều khác nữa.

Như vậy, bài trừ nạn thất học, là tất cả một chương-trình giáo dục quốc-dân qui-mô rất là lớn rộng, to - lớn. Đứng nơi 3 đầu, nơi này, 10 năm vị tại đã có thể hoàn thành!

Nhưng, biết chữ là điều kiện khó - thặng
của người cô nọ. Vay mượn hết là đây mong

làm sao cho toàn - thể quốc - dân trong mỗi
thời - gian thật ngắn, biết chữ đã nhiên hóa
việc giáo dục quốc dân mới có thể thực-hành.
Làm cho dân biết chữ đại - khái có những
phương-tiên thích-hợp như dưới đây.

Hai phương-liên này các nước tiên- tiến đã
tương áp-dụng và gây nên kết quả mỹ - mãn :

1) Cư ũng-bach giáo lục.

Bất luận các trẻ con trong nước từ bao nhiêu tuổi đến bao nhiêu tuổi — có nước hạn từ 6 đến 10 tuổi, có nước hạn từ 7 đến 13 tuổi, không nhất định — phải đi học hát. Trong những ngày học học, nếu bắt gặp những trẻ đến tuổi đi học học — đồng chơi — bơi, thì phụ huynh sẽ bị trách phạt.

2*) Lập liên - đoàn chống nạn không biết chữ, hoạt - động khắp nơi trong nước. Công - cuộc này do quốc - dân tự lập ra có Chính - phủ bảo-trợ hay thừa - nhận.

Muốn thi-hành luật cưỡng-bach giáo - dục
thì Chính-phủ phải lập trường học tại khắp
các nơi, làng nào, xóm nào cũng có nơi thuận
tiện cho trẻ em theo học.

Ngân-sách nước ta hiện giờ chưa cho phép
Chính-phủ lập đủ trường học cho hằng chục
triệu trẻ em rải-rac ở khắp mọi nơi.

Dân-gian thì nghèo đói không thể trông cậy vào công-quĩ các làng.

Luật cường-bách giao dục theo nguyên-
tắc không thờ nào thi-hành được, vì bất-
lực người ta học thì ít ta Chanh-phá
cũng phải cho người ta có đủ chỗ học.

Mà đủ chỗ học, thi nghiệm tại các thành phố
trường học cũng chưa đủ cho trẻ em.

Vậy ta phải tìm cách để bỏ khuyết cho ai tìm cách làm cho ai người biết chữ quốc
do.

Có một cách dạy-nhất là cho dân gian tự-đo giấy, tự-đo học, và tự-đo (nhi như ngày xưa.

Hội viên thí :

— Thẻ rã g trong vòng một năm thì ra phải
kiểm thêm hai hội - viên cho Hội và dạy được
một người bết chữ quốc-ngữ.

Cả theo cách này, sau hội diễn và học sinh
ai này đến dự lại thể — là tuyên thệ phải
hết lòng nghiêm chỉnh trong — thi cử trong
cũng vài năm trời, riêng mỗi hội T. B. Q. N.
cũng đã đào tạo được hàng triệu người biết
chữ.

Nghĩa là cho dân tự liên, tự quyết lấy việc phá màn ngu-dốt.

Ngày 14 tháng 10, hội T.B.Q.N. đã có thể
trở lại phạm vi ảnh hưởng và hành động tại
khắp các nơi thôn quê.

Ai cũng biết rằng hệ gia đình làng, nào cũng có toàn Bộ An, một mục đích trong các mục đích của đạo này là chống nạn bất thức, lự.

Vậy hội T. B. Q. N. còn đòi gì mà không
nhờ sức giúp đỡ của các ông tỉnh trưởng,
phủ, huyện (hà) nhậm (hà) thấy các báo an
vãn các làng nào (hà) gả (hà) đúng ngay đi?

Dân ta vẫn luôn luôn nhớ về di tích này còn nhiều người chưa biết về di tích này, một là vì chữ quốc ngữ chưa thay hẳn được chữ Hán và thôn quê, nơi là di tích này không có tên cho con em đi học.

Vậy, ngoài những cách nói trên, chúng ta nên sức cấm hẳn các đơn từ, giấy má, văn tự, văn khế không được viết bằng chữ

Hán. N. n. có thể dẫn-lẽ cũng phải viết bằng quốc ngữ. Có thể thì dân quê mới thấy chữ quốc ngữ cần dùng mọi cách rõ-rệt, và tự nhiên sẽ phải tìm cách để viết cho biết viết biết đọc chữ ký như hồi Hán-hoà loạn thịnh ngày xưa.

Mỗi một khoa học - sinh khi bắt đầu học và khi trở nghiệp ra, đều phải dự lễ tuyên thệ

Và mỗi hội-điền một năm phải tuyển thế
một lần, bất luận là hội-điền trung-trang hay
hội-điền chi nhánh.

Thầy hỏi: Nguyên thế thế nào? Học sinh thì nguyên thế đạt khảo thế này. Thầy rằng trong vòng một năm từ ra phải

Khi toàn thể quốc dân đã biết đọc biết viết, đồ án quốc sử rồi, bấy giờ thì để sách giáo dục-quốc dân, do Chính phủ hay tư nhân soạn, để trong trường. Những sách này, viết văn giản dị, hiểu dễ nhớ, mới thật cách thức làm mới cho dân chúng ta.

(xem tiếp trang 33)

1940-1941

~~ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN VÀ CHẤM DẤU~~
~~ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN VÀ CHẤM DẤU~~
~~ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN VÀ CHẤM DẤU~~

Cái khi giới là rừng! Người ta đã khảo cứu và làm chuyên phần chất để cũng làm bom hay đánh đét. Nhưng chưa kể quá. Bỗng được than, và chuyên bom bay gần như chỉ còn là một giấc mơ mà hàng, lại bom mới này có tin báo nhà học kiêm lý học Georges Claude, sáng chế ra bom bay, đã bị đem ra tòa. May mà mang ra? Không, cái lược này là bom bay thật! Anh ta không nghĩ làm chuyên đi! Georges Claude làm tội. Nhưng là ben-gô-lit? nước Pháp? hay được Georges Claude vào tội ta? sao là ben-phông? sáng chế và xưởng làm bom bay như thế? Đã đánh sau mỗi cuộc chiến tranh thì là không hay có thời kết tội những

Riêng về trường hợp Georges Claude thì
lời ông ta cũng nên hiểu rằng có bị mất cũng
không khác gì chuyện bơm bay. Ông nguyên
là người Pháp, sinh ở Paris vào một năm
1870 - 1871 - năm xảy ra cuộc Pháp - Đức
chiến tranh - khi đó nay vừa được 75 tuổi.
Năm 1922, ông đã nổi danh khắp hoàn cầu về
tài sự phát minh: ép không khí thành chất
 lỏng và cho nó - mô - ta - bang tách nó
ra khỏi toàn bộ người sáng nghĩ nên việc

Georges Claude được chính phủ Anh sản không bao giờ mưu được một công cuộc gì

CHỮ QUỐC-NGỮ VẪN CÓ THỂ DÙNG TRONG VIỆC BÁO HIỆU BẰNG CƠ TRÊN MẶT BỀ

NGUYỄN HUYỀN-TÌNH

Các chiến-hạm và thương-thuyền trên biển giới có ba cách để thông-tin với nhau: dùng cờ hiệu, dùng đèn hiệu và dùng vô-tuyến-điện.

Thông-tin bằng vô-tuyến-điện có dài dài trên tàu, vừa phát, vừa nhận tín, dùng những làn sóng điện ngắn, dài, âm-thanh lúc khoan lúc mau, ghép theo kiểu chữ Morse mà chấp thành câu, thành tiếng.

Có hai lối đánh vô-tuyến-điện: lối « thông-thường », dễ hiểu (émission en clair) và lối « riêng », bí-mật, khó hiểu (émission chiffrée).

Lối « thông-thường » dùng những khi giao-thiệp với tàu các nước khác, theo luật hàng-hải quốc-tế. Nhưng khi trao đổi tin-tức với tàu của nước mình, nếu tin-tức đó là tin mật-vật, không quan-hệ thì cũng dùng lối « thông-thường », dễ hiểu.

Trái lại, nếu muốn truyền những tin quan-trọng, hạn-hộ những mệnh-lệnh có can-hệ đến việc quốc-phòng hay công cuộc kháng-binh, trong hạm-đội hay đoàn thương-thuyền nước mình, thì dù là thơ-bình hay thơ-loạn, cũng bắt buộc phải dùng « tài-niêng » chỉ có họ tham-khrai của quốc-mình là hiểu rõ và soạn thành

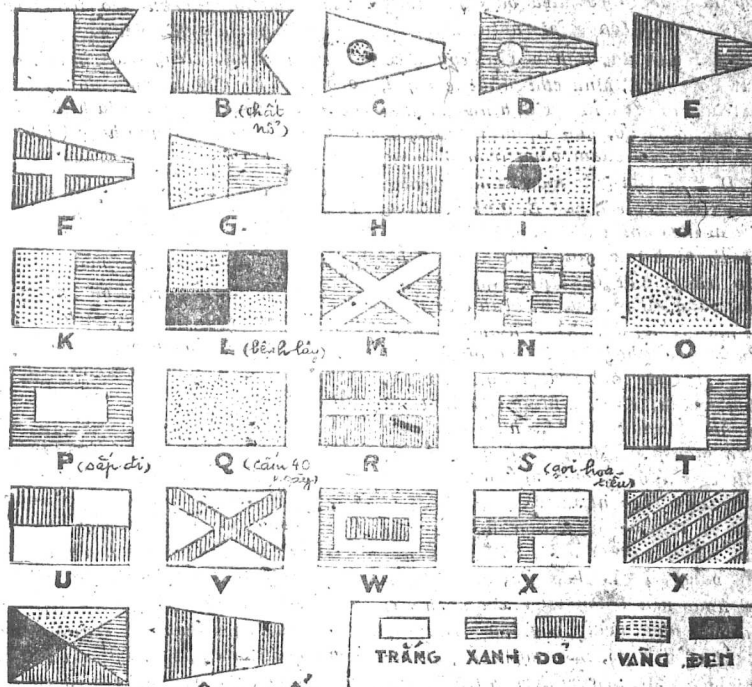
một quyển mẹo (code) trao cho những viên thuyền-trưởng và hạm-trưởng. Quyển mẹo đó lúc nào cũng để trong phòng viên chứa-lâu. Ngoài bia có ghép lại miếng chì nặng để những khi lau rửa nạn, sắp dầm hoặc sắp bị sa vào tay quân địch thì viên hạm-trưởng có trách-nhiệm giữ quyển-mẹo ấy phải đem liệng ngay sọt xuống biển khơi cho chìm mất tích.

Thông tin bằng đèn hiệu chỉ có thể dùng trong đêm tối, những khi hai tàu gần nhau, có thể trông thấy hiệu-lệnh của nhau được. Ánh sáng khi bật, khi tắt, lúc nhanh, lúc chậm, cũng theo lối chữ Morse mà ghép thành câu.

Ban ngày, khi hai bên gặp nhau, hoặc cũng đi gần nhau, có thể nhìn trong ống nhòm mà nhận rõ được màu sắc thì cách thông-tin bằng cờ hiệu rất được thông dụng.

Có hai cách thông-tin bằng cờ hiệu: — hoặc dùng hai lá cờ do một thùy-thẻ phát làm hiệu (semaphore).

— hoặc dùng rất nhiều cờ màu sắc để kéo một chuỗi lên giằng cột báo hiệu (signalisation par pavillons). Cách trên chỉ cần một thùy-thẻ đứng trên mạn tàu, hai tay mang hai lá cờ chữ nhật, đỏ, trắng, chéo



TRÔNG THẤY

CỜ HÀNG-HẢI QUỐC-TẾ

27 là cờ hiệu của hàng-hải quốc-tế

góc, mà phát. Tùy theo chiều tay người lặt thủy đề ngang, dọc, chéo, giờ cao, hạ thấp, mà người ta có thể đọc được chữ từ A đến Z rồi chấp lại thành câu.

Cách dưới dùng hai mươi bảy lá cờ khác nhau kéo thành chuỗi dài trên dây (drisse) của cột báo hiệu trên tàu. Cách này rất tiện khi ban-đo những mệnh-lệnh hay truyền những tin dài, và rất được phổ-thông trên khắp các mặt biển.

Trong hai mươi bảy lá cờ báo hiệu thì

đã có tới hai mươi sáu lá cờ dùng để chỉ hai mươi sáu chữ cái, còn lá thứ hai mươi bảy là cờ báo hiệu: « Trông thấy rồi » (aperçu).

Những lá cờ báo hiệu hình chữ nhật, chữ nhật lẹm góc và hình tam giác. Năm màu dùng trên cờ là những màu: xanh, đỏ, trắng, vàng, đen. Năm màu đó, trừ màu vàng, đều là những màu rõ ràng, có thể dùng từ xa cũng nhận thấy được.

Tất cả các nước trên hoàn-cầu đều

công-nhân 27 là cờ hiệu và cách dùng những lá cờ đó (code international).

Dưới đây là đặc tính của những lá cờ hiệu. Cờ chữ A, hình chữ nhật lẹm góc, nửa trắng, nửa xanh, chữ B, hình chữ nhật lẹm góc, màu đỏ, chữ C, hình tam giác màu trắng, có chấm vàng tròn ở giữa, chữ D hình tam giác màu xanh có chấm trắng tròn ở giữa, chữ E, hình tam giác ba màu theo chiều dọc: đỏ, trắng, xanh, chữ F, hình tam giác, màu đỏ có chữ thập trắng, chữ G, hình tam giác hai màu: vàng, xanh, chữ H, hình chữ nhật hai màu trắng đỏ, chữ I, hình chữ nhật màu vàng, có chấm đen tròn ở giữa, chữ J hình chữ nhật có ba vạch ngang, xanh, trắng, xanh, chữ K, hình chữ nhật hai màu vàng xanh, chữ L, hình chữ nhật bốn ô màu vàng, đen, vàng, đen, chữ M, hình chữ nhật màu xanh có hai vạch trắng chạy chéo nhau, chữ N, hình chữ nhật có tam ô trắng, tam ô xanh sát cạnh nhau, chữ O hình chữ nhật hai màu vàng đỏ xếp chéo góc, chữ P hình chữ nhật nền trắng viền xanh, chữ Q hình chữ nhật, màu vàng, chữ R, hình chữ nhật màu đỏ, chữ thập-vàng, chữ S, hình chữ nhật, nền xanh viền trắng, chữ T hình chữ nhật ba màu đỏ, trắng, chữ U hình chữ nhật bốn ô màu đỏ, trắng, đỏ, trắng, chữ V, hình chữ nhật, nền trắng có hai vạch đỏ chạy chéo nhau, chữ W, hình chữ nhật, nền đỏ viền trắng, xanh, chữ X, hình chữ nhật, nền trắng, chữ thập xanh, chữ Y, hình chữ nhật, nền vàng, có năm vạch đỏ chạy chéo, chữ Z, hình chữ nhật có bốn phần chéo: đen, đỏ, xanh, vàng.

Sau cùng là lá cờ hiệu «Trông thấy rồi» hình tam giác năm vạch chạy dọc: đỏ, trắng, đỏ, trắng, đỏ. Lá cờ này chỉ có trong 26 lá cờ từ A đến Z, kể từ đây có

năm lá cờ mà mỗi khi kéo riêng trên cột, có một ý nghĩa đặc biệt.

Đừng lể loi, riêng một giây nơi cột buồm, lá cờ chữ B, màu đỏ tuyền, bác cho các tàu lân cận biết là hiệu trên tàu có chỗ một cái nã nguy-hiểm (thuốc đạn, cốt mìn, dầu xăng...).

Lá cờ chữ L, kéo cao trên cột, phấp phới bốn ô đen, vàng, đen, vàng báo cho mọi người biết là trên tàu hiệu hương có một người mắc bệnh truyền nhiễm.

Lá cờ chữ P, nền trắng viền xanh là cờ hiệu của tàu sắp rời bến (partance).

Lá cờ chữ Q, màu vàng tuyền là cờ «cắm trong 40 ngày» (pavillon de quarantaine).

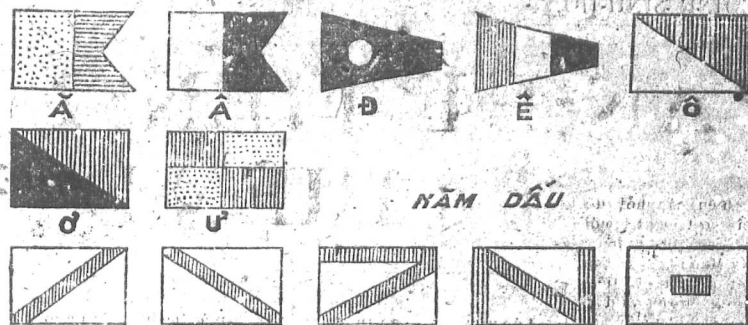
Khi tàu từ một nơi có bệnh truyền nhiễm đi đến thì màu đầu trên tàu không có ai mắc bệnh ấy, tàu cũng vẫn phải kéo cao lá cờ vàng và phải ở ngoài khơi ít nhất là 40 ngày mới được cập bến.

Lá cờ chữ S nền xanh viền trắng là cờ aung để gọi nauticu đại tàu ra khỏi hay vào bến (appel pilote).

Trên các chiến-hạm và thương thuyền đều có những «kip» thủy-tha và sĩ-quan chuyên-môn coi về việc kéo cờ báo hiệu (timonerie).

Những khi cờ báo hiệu trên tàu kéo lên, phấp-phới trên giây (drisse) thì bên tàu kia, nếu nhận thấy hiệu, sẽ kéo lá cờ «trông thấy rồi» lên nửa chừng cột («aperçu» hissé à mi-drisse). Khi hoàn toàn hiệu được hiển lệnh thì kéo nước lá cờ «trông thấy rồi» («aperçu» hissé à bloc) lên mãi tận đầu giây để tỏ rằng mình đã hiểu rõ bên kia muốn nói điều gì và không còn sợ nhầm lẫn nữa.

Những sĩ-quan và thủy-thủ giữ việc kéo cờ đều là những người rất thông-thuận cho nên những khi một hạm đội thao diễn hay hai tàu gặp nhau thì sự «trao đổi»



12 lá cờ «đặc-biệt» nếu hải-quân và hàng-hải thương-thuyền Việt-Nam sau này dùng quốc-giải trong việc báo hiệu

g kiến hay huấn-lệnh bằng cờ nhiều màu bao giờ cũng là một cảnh-trạng vui mắt.

Báo hiệu bằng cờ cũng như dùng vô-tuyến-diện, có hai lối khác nhau: lối «thông thường» mọi tàu đều hiểu được và lối «riêng» dành cho hải-quân và hàng-hải thương-thuyền nước mình.

Nước Việt-Nam xưa kia đã từng có một hải-quân hùng hậu, ngày nay đang ở trong thời kỳ kiến-thiết, một mặt, theo gương các cường-quốc trên hoàn-cầu, cũng cần phải có một đội thương-thuyền để giao-thông buôn bán với ngoại-bang và một đoàn chiến-hạm để giữ gìn bờ cõi. Khi ấy, «cột» theo kiểu mẫu» các nước đã từng đi bước trước, hải-quân và hàng-hải thương-thuyền Việt-Nam cũng sẽ dùng vô-tuyến-diện, đèn và cờ để thông-lin và báo hiệu. Lúc đó cờ «quốc-ngữ» cũng vẫn có thể dùng được trong công việc báo hiệu bằng cờ, mặc dầu cờ nước ta có một vài cử đặc-tính khác hẳn với nhiều nước trên thế-giới. «Trong quốc-ngữ» không có chữ F, chữ J, chữ W, chữ Z. Trái lại, ta lại thấy xuất hiện những chữ A, A, D, E, O,

O, U và năm dấu: sắc, huyền, hỏi, ngã, nặng.

Vậy thì trong việc báo hiệu bằng cờ, chỉ có sự thêm cờ ra chữ không bớt đi được kiểu nào vì những lá cờ chữ F, chữ J, chữ W và chữ Z vẫn phải giữ lại để báo-hiệu theo lối quốc-tế (code international). Như thế ngoài 27 lá cờ đã có sẵn rồi, hải-quân và hàng-hải thương-thuyền Việt-Nam cần phải có thêm bảy lá cờ chỉ bảy chữ: á, ă, â, ê, ô, ơ, u và năm lá cờ chỉ năm dấu, tổng-cộng là 34 lá cờ mới.

Lá cờ chữ A cũng hình chữ nhật lẹm góc như lá cờ chữ A, chỉ hơi khác là có hai màu vàng, xanh chứ không phải là trắng và xanh như chữ A.

Lá cờ chữ A cũng hình chữ nhật lẹm góc và có hai màu trắng và đen.

Lá cờ chữ B hình tam giác giống hình lá cờ chữ D quốc-tế chỉ khác là nền đen, có chấm trên trắng chứ không phải là nền xanh.

Lá cờ chữ E hình tam giác như hình lá cờ chữ E quốc-tế, chỉ khác là đỏ, trắng, xanh.

(xem tiếp trang 27)

VĂN-ĐỀ TIỀN-TỆ HIỆN-ĐẠI

Bao nhiêu của hối đó đang vào và trong tay mọi người có chút tiền bán bạc giấy. Muốn trả lời, cần phải xét qua chế độ tiền tệ ở Đông-dương và đặc quyền phát hành giấy bạc của Ngân hàng Đông-dương.

Chế độ tiền-tệ

Chế độ tiền-tệ có thể chia làm ba thời kỳ:

1 - Thời kỳ ngân bản vị (tên là *monnaie d'or*). - Giấy bạc phát hành từ năm 1878 ở Saigon và mười năm sau ở Hà-phong. Đông-dương ngân hàng được độc quyền

in giấy bạc. Nhưng phải có lưu quỹ bằng 1/5 số giấy lưu hành. Từ năm 1930 số lưu quỹ đó định là 1/3. Một phần lưu quỹ thay bằng đồng bạc thật cũng lưu hành với bạc giấy còn phần kia lưu bằng bạc thật.

Thời kỳ này nước ta dùng đồng bạc Mã-lây có cân nặng 27,073 thanh sê (gram) 0,9027 (tỷ lệ năm 1895 một cho đồng tỷ lệ 27 gam thanh sê 0,900 tức là đồng bạc cũ mà hiện nay mà nhiều người vẫn lầm lẫn đến buôn bán ở miền thượng du Bắc-bộ Việt-nam. Nhưng đồng bạc đó dù là bản vị vàng chế độ tiền-tệ thời kỳ này, nghĩa là trong việc đổi tiền, đồng bạc đó dùng làm đo, bán vì đồng bạc thì khi g 4 bạc ở thị trường tăng, đồng bạc của nhà cầm quyền dùng giá bạc thì đồng bạc của mình cũng hạ.

Nước Pháp dùng vàng làm bản vị nên đồng bạc của họ xuống

giá này giấy bạc in ra nhiều quá mà dư-luận đều cho rằng tiền lưu-trữ bằng vàng (*encasée or*) đã bị hạn chế dần rút hết về nước rồi đẩy chính-phủ Việt-nam có thêm ảnh hưởng tâm lý đó không? Đồng bạc giấy hiện thời sau này có tiêu được, và xuống giá không?

của LÊ ĐÌNH-YÊN

không ăn nhập với đồng bạc của

Khi bạc cao, bọn thực-dân có thể bị thiệt thòi nếu họ đã rút hết về Đông-dương về nước đã đổi lấy vàng trong thời kỳ bạc hạ. Trái lại người tiền-hu cũng với nhà buôn Đông-dương được lợi lớn vì đồng-bạc của ta tăng giá.

Khi bạc hạ, bọn thực-dân cũng có thể bị thiệt thòi nếu lúc họ cần rút tiền về nước đổi lấy phát-lãng. Thí dụ như năm 1928 một nhà tư-ban thực-dân gửi sang kinh doanh bản là 26 triệu phát-lãng, đổi ra bạc Đông-dương, hồi đó giá là 26 phát-lãng một đồng, nên tiền đó mua ra được 1 triệu đồng. Năm 1929 bạc ở thị trường sụt giá, đồng bạc của ta lại có 11 phát-lãng. Cái vốn tiền bạc kia chỉ đổi được 11 triệu phát-lãng. Nhà tư-ban đó thiệt 15 triệu phát-lãng.

Vì những lẽ đó nên đã nhiều

lần bọn thực-dân yêu cầu chính-phủ của họ bãi xứ ta phải dùng kim bản vị như nước Pháp. Năm 1916 giá bạc ở thị trường thế giới đương lên đứng lại. Bọn dân cư thực-dân đoán chắc rằng thế nào bạc cũng xuống khi chiến tranh kết-liên. Nào ngờ, sự đã xảy ra trái hẳn với diễn-lịch đoán của chúng. Năm 1920 bạc lên giá mà đồng phát-lãng thì sụt giá. Chúng thua lỗ to, kêu gào ỏi: "rách chình - phủ Đông-dương không dùng giá đồng bạc trong nước." Năm đó, toàn quyền Đông-dương có "chưa" tập hội nghị đã giải quyết vấn đề này. Nhưng sau một người một ý nên công việc sửa đổi chế độ tiền-tệ Đông-dương phải xếp lại.

Đồng bạc Đông-dương vẫn lên

Nhưng đến năm 1927 thì đồng

bà năm về trước một đồng bạc đổi ra tiền Pháp được 26 phát-lãng, mà nay xuống có 11 phát-lãng. Bọn thực dân sắp đến ngày phải sửa, phải quyết vấn đề việc định-gia đồng bạc Đông-dương.

2 - Thời kỳ kim bản vị (tên là *monnaie d'or*). - Theo khoản 10 hiệp ước ngày 6 tháng 6 năm 1884 của Nam-tiền ký với nước Pháp thì mỗi khi định được chế độ tiền-tệ trong nước, hai bên phải thảo luận với nhau. Nhưng bọn thực-dân có bao giờ cần ý y đến những điều tiết ấy. Chính-phủ Pháp, quốc gia độc đoán, ban hành sắc-lệnh ngày 31 tháng 5 năm 1900 đặt lịch chế độ tiền-tệ ở xứ ta.

a) Khoản thứ nhất của đạo sắc-lệnh do định rõ nguyên tắc: "Đồng tiền Đông-dương là một đồng vàng cân nặng 655/1000 gam, thanh sê 0,900, tức là 10" phát-lãng do đạo luật 25-6-1920 đã ấn định."

Từ đây Đồng-dương bước vào thời kỳ kim bản vị. Giá đồng bạc lên xuống tùy theo giá vàng. Đồng tiền luôn chuyển trong nước nhờ ra phải là một đồng vàng mà thanh sê trong lượng đã định. Nhưng lấy lý rằng đồng vàng thì phí quá nếu dùng một thế kim khí khác thay vào. Trong nước đã sẵn có đồng tiền bằng bạc nên cứ để vậy mà thôi. Vì giá đồng bạc của ta căn cứ vào giá vàng nên dù lên, dù xuống đồng cũng như bạc giấy, chỉ có giá của chính phủ đã định; bạc nguyên chất có lên hay xuống cũng không có ảnh hưởng gì đối với đồng bạc của ta. Một nhược điểm là nếu các đồng bạc nhỏ hơn thì còn như có lẽ. Sau khi nghĩ-ngợi kỹ, nhà cầm-quyền Đông-dương quyết nghĩ thay đồng bạc 27 gam bằng đồng bạc 20 gam. Mười hai triệu bạc cũ sẽ đổi lại thành mười sáu triệu

bạc mới. Bốn triệu lòi đó cũng như đồng-dương được hưởng.

Đồng bạc cũ vẫn được phép lưu hành nhưng khi trở về với đồng-dương ngân hàng thì bị thu lại để nộp cho chính-phủ thực-dân. Số bạc cũ phải ra có tới 160 triệu nhưng trong nước chỉ còn chừng 60 triệu còn thì bị lòi "a ngoại-quốc" hay bị phía ra làm đồ dùng như khi giá bạc nguyên chất của đồng bạc đã hơn bạc thật. Hồi bấy giờ đồng bạc cũ của ta trị giá có 6 phát-lãng so với một phát-lãng của đồng bạc cũ với cái giá mới 10 phát-lãng nên cần gấp, không được lòi "a ngoại-quốc" về những đồng bạc đó. Đồng bạc 27 gam chỉ được lưu hành đến ngày 31 tháng 6 năm 1931.

Đạo sắc-lệnh ngày 12 tháng 8 năm 1930 đặt ra đồng bạc 20 gam. Đồng bạc này không được hoàn nguyên vì vào hơn đồng bạc cũ. Quốc-dân có cảm-tưởng là giá trị của nó không bằng đồng bạc cũ, và vì bạc nguyên chất hạ nên nhiều bạc giả quá. Sau một cuộc điều tra thì biết rằng bạc giả đó tại một nước lân cận và làm rất khéo, đồng cân, thanh sê, không ao phân biệt được với đồng bạc thật. Bởi vậy trong 16 triệu bạc mới chỉ phát ra được có 1.500.000 đồng còn vẫn ở trong quỹ ngân hàng. Đến năm 1934 nhà cầm-quyền cao, lệnh miết hỏi đồng bạc mới kia để đổi khối lượng đồng nhân-lâm, những đồng bạc đó về sau lại tái sang Pháp.

b) Khoản 2 của đạo sắc-lệnh 31 tháng 5 năm 1930 ấn định, các đồng bạc giấy ra bạc thật; Đông-dương ngân hàng bắt buộc phải đổi ngay bạc giấy ra vàng cho những người mang đến đổi. Trong việc đổi ra, ngân hàng chỉ tính một đồng bạc là 655/1000 gam vàng dù ở Saigon hay Ba-lê cũng

vậy. Ngân hàng có quyền đổi đổi cho những người mang đến đổi số bạc ít nhất là bao nhiêu tùy Tổng-trưởng bộ Tài-chánh và Tổng-trưởng bộ Tài-chánh hòa thuận với công lý đó mà đổi.

Đồng bạc của ta từ đây được đảm bảo bằng vàng. Tuy có vẻ lợi rằng lúc nào vàng giấy đến cũng có thể đổi ra vàng được có để ý đến đoạn cuối của khoản 2 đạo sắc-lệnh và một trên cái thiếu-số đã định ở khoản ấy phải là 5 tiền đồng thì ngân hàng mới phải đổi ra vàng hay tiền vàng ngoại quốc. Và lại nếu nhiều người mang đến đổi thì chính-phủ thực-dân có thể tuyên bố cưỡng bách lưu hành (*coercive force*) ngay là 5 tiền đồng thì ngân hàng có quyền đổi lấy bạc giấy ra tiền thật.

Bọn thực-dân hay đồng nhân lợi dụng cơ hội thế đó đánh lừa quốc-dân ta nhận đồng không quan-tâm đến những lòi-lặt của đồng bạc bất cứ về phạm vi nào cũng vậy.

c) Khoản 3 của đạo sắc-lệnh 25-6-1920 đã bảo-đảm các trái-khoản

ở Saigon (tên lưu-trữ) 1/3 bằng 1/3 của số bạc quỹ quốc-hành và tiền có lãi của những người mang tới gửi gởi 2/3 vào vàng (comptes courants) số lưu-trữ phải bằng vàng thời hay những thu-hồi. Có thể đổi ngay ra tiền vàng hay vàng thời.

Xét đồng-kế tài sản hiện (hiện) của Đông-dương ngân hàng thì trước đến nay vẫn có một món tiền lưu-trữ với hơn một phần ba tiền gửi ngân-hành. Nhưng tiền lưu-trữ đó phải do Ngân hàng Pháp-quốc nên việc của nhà người mình biết sao được.

d) Khoản thứ 4 của định-quyền hạn-trang-trái (*bonvoir libérateur*) của bạc thật và bạc

thất và được phân lưu hành không hạn chế. Đồng-dương Ngân-hàng sẽ thu nhận tất cả những bạc thất lạc từ nhà hàng. Những bạc đó phải nộp, theo chính-phủ và ghi vào đơn nộp ở mục của chính-phủ.

Như trên đã dẫn giải, những đồng bạc đó về sau, hoặc tái về Pháp hoặc bán lại khi bạc ở thị trường lên giá.

c) Khoản 5 bãi bỏ những lệ trái ngược với đạo sắc-lệnh này.

Sau việc định giá đồng bạc hơn ba lần được về, tâm lý của dân không còn lo ngại về giá trị của nó có thể thay đổi mới khi đồng bạc lên, xuống. Trái lại cũng vì việc sửa đổi chế độ tiền tệ mà nước ta đã trải một cơn ác-mộng.

Nước Tàu và bên Hồng-kông, là nơi gần gũi với ta nhiều hơn cả. Hai nơi đó vẫn giữ ngân bản vị. Đây giờ giá bạc Hồng-kông đang xuống vì bạc nguyên chất sụt giá; đồng bạc ấy đối với đồng bạc ta tăng ngày càng hạ vì đồng bạc ta tăng bằng vàng ít thay đổi. Ngày lúc định giá đồng bạc Đồng-dương thì giá bạc nguyên chất của đồng bạc ta và đồng bạc Hồng-kông gần ngang nhau. Giá đó là 16 phân vàng 99.

Đạo sắc-lệnh này là trên chính giá đồng bạc 10 phút bằng nửa ta bằng rưỡi đồng bạc Hồng-kông. Thì dù trước kia 100 đồng bạc Đồng-dương đổi được 100 đồng bạc Hồng-kông thì nay chỉ được những 150 đồng bạc Hồng-kông. Trong khi ấy thì của công-nhân, giá

vật liệu, tổng phí, nói tóm lại những nguyên-ô của giá-vốn (prix de revient) của các thứ hàng ở Đồng-dương vẫn như cũ. Tất nhiên giá bán phải ít nhất là bao nhiêu. Nếu giá ở thị-trường thế giới hạ hơn giá vốn ở nước ta, thì hàng ta không bán ra ngoài được. Đây là cơ mà gạo của ta không xuất cảng sang Hồng-kông được trong khi nơi đó vẫn ăn gạo Điện-quien và Xiêm-la là hai nơi mà đồng bạc cũng đang xuống giá.

Nước ta chỉ trông vào việc bán gạo ra ngoài-quốc. Nay gạo không có người mua, nhà nông không có tiền trả nợ bị phá sản. Nhà buôn không có khách mua hàng vì trong nước khan hiếm nên phải các-cung, kỹ-nghệ cũng bị đình-trệ vì làm ra không có ai mua; nhà máy đóng cửa, thủ-thuyền bị thất nghiệp mà chủ cũng mất cả vốn. Bởi vậy bao nhiêu sản-nghiệp của ta bị đem ra bán đứt giá, rút lại về tay những hội-buôn-bạc của bọn thực-dân.

III. — Thời-kỳ đồng bạc thất lạc với đồng phát-lãng. — Năm 1935 có tới 50 nước giảm giá tiền-tệ của họ; đồng phát-lãng thành ra một thứ tiền đại quĩ (cũng như đồng bạc của ta) hàng Pháp không xuất cảng được. Chính-phủ Pháp được ra đạo luật ngày 1 tháng 10 năm 1936 giảm giá đồng phát-lãng xuống trong lượng sẽ tính sau và được được 49/1.000 gram. Nay giá 49/1.000 gram (trước kia 65,63/1.000 gram).

Đạo luật đó có hai khoản quan hệ tới Đồng-dương:

Khoản 5 định rằng « tiền lưu-trữ bằng vàng của các ngân-hàng thuộc địa phải tính lại theo giá mới của đồng phát-lãng và tiền trữ ra phải nộp vào ngân-phò Pháp-quốc ».

Khoản 7 định rằng « mặc-dẫu trái hẳn với các điều-dự-bị trong điều-lệ công-ty hay trong các giao-kế, từ đây ngân-hàng phát hành giấy bạc ở thuộc-địa đều có thể ghi số tiền lưu-trữ bằng phát-lãng ».

Một đạo sắc-lệnh ngày 30 tháng 6 năm 1937 định rằng « trong điều-lệ công-ty hay trong các giao-kế ».

Tất cả đồng phát-lãng từ nay như con thuyền bất-định và trong khi ba đạo loi cuốn cả đồng bạc Đồng-dương đi theo, cũng vì một đạo sắc-lệnh ngày 2 tháng 10 năm 1936 đã thất đồng bạc ta vào đồng phát-lãng.

Đạo sắc-lệnh đó có những khoản này:

Khoản 1 định rằng từ nay hoãn việc thi hành khoản 1 và 2 đạo sắc-lệnh ngày 31 tháng 6 năm 1936 đã ấn-định chế-độ tiền tệ ở Đồng-dương.

Khoản 2 định rằng từ đây Tổng-tướng Thuộc-địa và địa-chánh trong nước phải chấp hành và tuân theo đồng phát-lãng của ta và đồng phát-lãng của Pháp.

Khoản 3 định rằng từ nay đến khi ban hành đạo sắc-lệnh nói ở trên, Đồng-dương ngân-hàng phải đổi giấy bạc ra phát-lãng Pháp, cứ 10 phút bằng 1 đồng bạc Đồng-dương.

Từ khi đem thi hành đạo sắc-lệnh này thì nhà ngân-hàng Đồng-dương không còn phải giữ lời đã hứa trên giấy bạc là sẽ đổi tức-khắc ra tiền thật cho những người mang bạc giấy đến đổi. Tức là Chính-phủ của bọn thực-dân đã tuyên bố cưỡng-bach lưu hành đồng bạc Đồng-dương. Những chữ « Payable en espèces au porteur » này không còn nghĩa gì nữa dù là ở những tấm giấy cũ.

Nhưng sao gần đây có nhiều người đi tìm những tấm giấy đó?

Ta thử tìm hiểu họ đổi lấy giấy cũ làm gì thì họ sẽ trả lời một cách thăm-nhiên rằng ở những tấm giấy cũ có chữ « giá bằng tiền » bất » chắc sau này ngân-hàng Đồng-dương sẽ đổi ra tiền thật cho mình, còn những giấy mới không có những chữ đó là của Chính-phủ in ra, sau này có thể mất không. Đó chỉ là mưu-nhằm vì

Đồng-dương ngân-hàng đã được độc-quyền phát hành giấy bạc, thì Chính-phủ không được phép in ra nữa vì cái độc-quyền đó đến năm 1956 mới hết hạn. Nếu ta xem xét tình hình tài-chánh của Đồng-dương ngân-hàng ta thấy rằng Chính-phủ nợ Đồng-dương ngân-hàng nhiều lắm, giấy bạc in ra là để chi tiêu nhiều khoản trong nước. Đồng-dương ngân-hàng vẫn phải chia trách-nhiệm về những giấy ấy.

Sự thật, những người đi đổi lấy những tấm giấy cũ không chất-phác đến thế đâu, số đi họ phải đổi các tấm giấy cũ là vì họ cần dùng những tấm giấy đó để đi buôn một thứ hàng trên miền thượng-du phía bắc Việt-Nam mà lại có thể gặp hơi. Một

chứng cớ về việc này là sau ngày đảo-chính số Thượng-chính đình việc bán thuốc phiện lại thì tự nhiên là thấy bọn môi-giới đi khắp các nơi đổi lấy giấy bạc cũ và tiền cấp tới 20 đồng một trăm.

Năm 1933 Chính-phủ Pháp với Pháp-quốc ngân-hàng đã thỏa thuận rằng « nhà ngân-hàng đó phải tính lại số lưu-trữ vàng và tiền ngoại-quốc bằng vàng theo cái giá 27,5/1.000 gam một đồng phát-lãng, và trở ra bao nhiêu phải nộp cho Chính-phủ cũ ».

Hồi đó tiền lưu-trữ của Đồng-dương ngân-hàng giữ ở Pháp-quốc ngân-hàng không kém 210 triệu đồng bạc Đồng-dương với cái giá đồng phát-lãng năm 1928 nghĩa là 656/1.000 gam một đồng bạc. Ngày nay họ chỉ tính cho ta có 2,6/1.000 gam một đồng bạc, ta thiệt chừng 60 % số vàng ta giữ tuy số tiền tính ra phát-lãng vẫn y nguyên.

Mỗi lần đồng phát-lãng giảm giá thì số vàng của ta gửi bên Pháp lại nhỏ đi một ít và chênh-sang lỗ bạc của Chính-phủ Pháp.

Thế năm 1938 đến nay đồng phát-lãng sụt giá mãi có thể bằng giờ đã gần con số không và đồng bạc cũ ta gặp mười con số không vẫn là không.

Cái cách đánh cắp khôn khéo ấy đã bòn rút bao nhiêu vàng bạc của ta từ trước đến giờ và ngày nay bắt buộc Chính-phủ Việt-Nam phải sửa đổi những làm-lỗi mà bọn thực-dân đã làm vì ta và nhiều giấy bạc (inflation).

LÊ ĐÌNH-YẾN

Ký-sau: Chánh-phủ Việt-Nam có thể làm giảm giá đồng bạc hiện thời không?

+ AI MUỐN ĐỔI +

Các thư thuở và các... đến lại để các chứng bệnh... theo hai không hạn và... Tây, hãy hỏi từ... vào đó ông bà Lê-văn-Ph... cho sự tốt nghiệp trước... y học, chuyên khoa... Bắc, đã soạn và đ... ra Cần-quê. Sách nói về chữa bệnh... đây thêu, tìm, bệnh hoa... và sản phụ mới kh... giết họ. Thư từ xưa sách hoặc... về thuốc men, chữa bệnh... của.

Monsieur et Madame LÊ-VĂN PHÂN
Médecin civil et pharmacien
N°18, rue Ba-Vi Sontay - Tonkin

Bỏ thân tiêu độc

Thuốc lọc máu tiêu nhiệt độ
ngừa lở giá một lọ 1p50. Nền
là 3p.00. Một tá là 14p.00.

BẮN TẠI
Nhà thuốc TẾ-DÂN
331, Hàng Đồng-Hanoi

Một tài bản:

Tàn-Đà Vận-Văn

Toàn tập phụ-lục Nhân-Đàm, Nhân-Tướng, có bổ-khuyết thêm nhiều bài. Những áng thơ bất-diệt của nhà thi-hoà Việt-Nam thuần-tục. Giá: 9\$50

HƯƠNG-SƠN xuất-bản
113-115 - phố Lò-Đúc - Hà-nội

**SÂM NHUNG
BÁCH BỒ**

Hồng - Khê

Đại hồ khê-huyết
Đề tiền-hoa, Lợi minh-đục
Mỗi hộp 3p.00

78, HÀNG BỒ-HANOI

Có hai đồng bạc mà muốn làm giàu nhanh chóng và
lương thiện thì chỉ có cách là MUA VÉ XỔ SỐ ĐỒNG-DƯƠNG

NHỮNG ANH-HÙNG
TUẦN-QUỐC TRONG
86 NĂM PHÁP ĐỒ-HỘ

CAO-THĂNG

người trước nhất chế-tạo được súng
kiểu tày để đánh lại tày

III

Một khi có kiểu mẫu trong tay rồi, đến việc thực hành bất chước.

Hai làng Trung-hương và Văn-tràng ở huyện Can-lộc (sông ở Hà-Tĩnh), từ xưa vẫn chuyên nghề thợ rèn, sản-xuất nhiều tay thợ khéo có tiếng. Thuở xưa nhà vua thường vời thợ khéo ở hai làng ấy vào kinh-dô chế-tạo gươm đao.

Ngay sau hôm xảy ra câu chuyện mai phục cướp súng ở giữa đường Nghệ-an lên đồn Phố, người ở huyện Can-lộc đồn nhau, lấy làm kinh-ngạc, vì một hôm đang nửa đêm, bỗng đứng ngót trăm thợ rèn sắc-sảo ở Văn-tràng và Trung-hương đồng thời bị bắt tận nhà đem đi, mà nội làng xóm lặng lẽ như tờ, tuần không hay, chó không sủa!

Những người biết chuyện, mỉm cười bảo nhau:

— Thôi lại thủ-đoạn của Cao-Thăng chứ gì!

Quả thật, Cao-Thăng sai thủ-hạ thỉnh lại về hai làng Trung-hương Văn-tràng, và vật gần trăm thợ rèn giỏi, đem lên trên núi, với cả đồ nghề cần dùng.

Thoạt tiên, ông ngồi (l-mi) thảo luận một khẩu súng vừa mới bắt được, nhất

xét kỹ lưỡng từ vị-trí từ bộ-phận, cho đến cơ-quan và công-dụng từng mảnh một. Đoạn, ông chỉ bảo bọn thợ chia nhau công việc, cứ theo đúng hình dạng phân tạc như thế mà rèn, đúc, mài, dũa, không được sai ly nào.

Thợ cặm cụi thôi bẽ làm việc suốt ngày; sự ăn uống được ăn từ tẻ.

Cao-Thăng ngồi luôn bên cạnh ra sức trông nom chỉ bảo, xong khẩu nào ráp khẩu ấy, tức thời sửa sang, thí nghiệm, kỳ cho mười phần hoàn hảo mới thôi.

Trong vòng bốn tháng, với tay thợ nhẩn nại, đồ nghề sơ sài, Cao-Thăng chế tạo ra được hơn hai trăm khẩu súng, hình thức giống y súng tày, chỉ khác là hên trong lòng súng cần phải xỏ rãnh thì nhân công không thể làm được. Tuy vậy súng vẫn dùng được rất tốt, so với thứ súng kiểu xưa của ta, hơn kém gần như trời vực.

Rồi đó, Cao-Thăng sai Nguyễn Kiển và em là Cao-Nữ ra Bắc đón Phan-dinh Phùng trở về cất đặt việc quân, cầm quyền chủ tướng.

Lúc này họ Phan đặt ra nhiều quân-thủ, đóng rải rác ở các nơi hiểm-yếu, mỗi

quân thủ độ một viên bộ-tướng làm đầu. Khi giao chiến với Pháp-lặc, quân thủ nọ phải tiếp ứng cứu viện quân thủ kia.

Đại-dồn thì đóng ở thung lũng núi Vụ-quang, tức gọi Ngàn Trươi.

Quân-sĩ các thủ đều mặc y-phục mới sắc, như nhau, trật tự rất là nghiêm-chính. Xưa với khi-giới cũ, bấy giờ nghĩa-binh có súng đạn lối mới dễ bắn nhau với quân tây; khiến chúng phải lấy làm lạ.

Luôn mấy năm, Cao-Thăng xuống núi thí tâm chiến-sĩ ra trận, lên núi, thì làm kỹ-sư chế tạo súng mới.

Nhiều trận ông khéo xuất kỳ chế thắng, uy-danh « Đồng-nhưng họ Cao » vang dấy xa gần; lính tập và lính đồng ở dưới bóng cờ tây, bảo nhau kiêng nể, răn nhau ra trận gặp đội binh Cao-Thăng chỉ huy, chớ có khinh-dịch mà khờ.

Vì ông dũng sấm, thiện-chiến, lại tỏ ra có biệt-tài tổ-chức quân-sự nữa.

Những việc chấn-chỉnh vừa mới nói trên, như cất đặt nghĩa-binh ra từng quân-thủ, mỗi thủ tập đồn ở một làng hay trên một quả núi, liên-lạc hỗ-ứng với nhau; cho tổ-binh-lính được luyện-tập, kỷ-luật, càng một sắc-phục, nhất-nhất do trí sáng kiến và tài-xếp đặt của Cao-Thăng mà ra cả.

Lúc này thành-thể văn-thần ở Nghệ-Tĩnh lại lừng lẫy.

Trước hết, họ Phan sai Cao-Thăng tập mero bắt sống tuần-phủ Đinh-nho Quang và chém đầu Trương-quang Ngọc; — thẳng phân-phúc đã chỉ đường cho tây bắt được vua Hàm-Nghị để lấy chức lãnh-binh. — Cao-Thăng vào tận nhà nó chém đầu bêu lên, để làm gương cho những kẻ tăng tâm phản-quốc, lập công với tây, phải lo mà giữ lấy chỗ đội khăn đội nón!

Nhất là việc dụng-binh và chế tạo khí-giới nâng cao nhân-cách và danh-vọng

Phan-dinh Phùng ở trong trí người Pháp.

Viện đại-Jy Gosselin, viết quyển sách « Nước Nam » (*Empire d'Annam*), là một võ-quan lừng lẫy cuộc đánh giặc văn-thần Nghệ-Tĩnh thuở ấy, có đoạn thành thật nói về Phan-dinh Phùng như sau này:

— « Tôi ra từ trước đến nay, chứng tá « không ngờ ông Phan-dinh Phùng biết « tổ chức việc binh, tập rèn thủ-hạ theo « như kỷ-luật và chiến-pháp Âu-tây. Vì « du ông cho quân lính mặc sắc-phục mới « loạt như nhau, giống bộ-linh tập của « ta. Lại mang khi-giới là kiểu súng 1874, « chính ông tập khuôn và bí-mật chế-tạo « ấy rất nhiều, nhưng chế-tạo ở chỗ nào « không biết, đến nay chúng ta cũng chẳng « tìm ra.

« Tôi có đem mấy khẩu súng ấy về tây, « xem nó giống đủ mọi vẻ như kiểu súng « do các xưởng binh-công ta chế-tạo ra. « Đến nỗi mấy ông quan pháo-thủ mà tôi « đưa súng ấy cho xem, bảo rằng người « Việt-Nam đã chế-tạo bằng tay, mấy ông « đều phải sững sờ, kinh dị.

« Chỉ hiếm hoi khác súng ta ở hai chỗ « này: ruột gà hơi yếu và lòng súng không « xỏ rãnh, vì thế mà bắn không mạnh, « không xa. Tuy vậy mà đầu, những « khẩu súng ấy ta đã từng sát hại vô số « lính tập, lính khổ-xanh và nhiều cai dơi « tây vâng lệnh đi đánh văn-thần lúc bấy « giờ v. v. »

Mấy lời khen ngợi họ Phan như thế, tức là hiện chép sự-nghiệp Cao-Thăng. Vì, chúng ta đã thấy, chính Cao-Thăng đã khéo vận-dụng thông-minh, xếp đặt việc quân, từ chế súng đạn, xây nên lực-lượng cách-mạng của họ Phan về mặt vật-chất vậy. Nhờ có lực-lượng vật-chất đó mà phong-trào cách-mạng do Phan chủ-trương có thể kéo dài được tới 10 năm.

Với tuổi thanh-niên hiên đồng, thêm tài năng xuất-sắc, hoài bão cao xa, Cao-Thắng muốn làm sao thực-hành chí nguyện kinh doanh to tát cho nghĩa-binh thì mới hả lòng, chứ không cam chịu lần lút mãi trên núi, quanh quẩn mãi xó rừng, chỉ tiếp xúc với Pháp-tặc bằng lối đánh đồn-bình, du-kích. Ông nghĩ cứ thế thì bao giờ nghĩa-binh làm thực-hiện được sự-nghệp cứu-quốc? Ấy là chưa nói cái nguy một ngày kia quân giặc đánh đồn mãi nghĩa-binh vào một khu rừng núi mà thất trận vòng vây, khiến mình ở trong phải kiệt sức tuyệt lương mà chết.

Bởi vậy, một ngày vào khoảng tháng 7 tháng 8 năm Quý-tị (1893), ông tha thiết bày tỏ với họ Phan về kế-hoạch mạo hiểm này ra trong trí và một hai xin Phan cho mình thi hành. Kế-hoạch ấy mà thành, thì lợi chung cho cả đại-cuộc nghĩa-binh; trái lại, chẳng may hư hỏng thì chỉ có mình và mấy trăm chiến-sĩ vui lòng chịu chết, không hề ăn-hại.

Kế-hoạch mạo hiểm thế nào?
Cao-Thắng xin tự dẫn một đội cấm-tử

Một trí tuyệt của những binh lính có tài ngay
hại đến sức khỏe và nội-giống chỉ mới tìm đến

Đức Thọ Đường
131, Route de Hué — HANOI

mà chữa bệnh hoặc uống thuốc.
Sự thận trọng và nghiêm chỉnh
trong 3 tiếng đồng hồ

30 CHEM MARQUE « 2 cái đầu »

DOUBLE — HACHE

Đẹp, mềm hơn hết — Có bán ở khắp các hiệu sách lớn
HÒA-HỢP — 108 — HANG TRÔNG — HANOI, GIẤY NÓI, 448

độ ba bốn trăm người, liền chốt tập-công lấy tỉnh-thành Nghệ-an để làm nơi căn-cứ kháng-chiến cho nghĩa-binh; và do đấy thanh-thế nghĩa-binh thêm phần rộng lớn, vì dân-chúng tin chắc nghĩa-binh làm nên đại-sự. Đồng thời, ta chiếm được tỉnh-thành Nghệ-an là cắt đứt liên-lạc tiếp-tế của quân địch ở Trung-Bắc, làm chúng không thể chiếu-cổ được nhau.

Phan nghĩ ngợi rồi khuyên Thắng khoan mạo hiểm quá đáng, vì kế-hoạch dù phải, nhưng muốn thực hành thì hơi sớm, sợ không thành công.

Thắng nài nỉ mãi, Phan đành thuận cho đi, dặn dò phải mười phần thận trọng, vì đội của Thắng quan-hệ cho nghĩa-binh không phải là nhỏ.

Vậy rồi Cao-Thắng đem quân bản-bộ ra đi, dẫn cả Các Nũn theo. Lúc mới xuống núi, Thắng tươi cười bảo Nũn:

— Chú đi theo quân, hễ ta chốt được bao nhiêu đầu kẻ thù, thì xỏ giày đem về cho ta trình-nguyên-sơai nhé!

Anh em Thắng xuất binh đầu tháng mười, trên đường gặp đồn-trại nào cũng cố sức phá vỡ, cốt lấy thêm lương-thực đạn-dược cho quân nhà dưng. Khi đánh tới đồn Nỗ, viên quân đồn có tiếng là « quan một Phiến » phân binh chống cự ráo riết, lại cầu cứu quân tây đến trợ chiến.

Hai bên đánh nhau từ sáng đến trưa, mỗi giây phút một thêm dữ dội. Thắng xông-phá lên trước sĩ-tốt, bị quân giặc

mai-phục nhắm đích, bắn vãi như mưa, một viên đạn trúng vào bụng.

— Ô...! Giặc bắn trúng tại Thắng nói run-run và ngã vật ra.

Nóng ruột phục thù anh, Cao-Nũn hô quân xông bura đến, chém chết hết toán lính mai-phục hơn mười người, rồi hạ lệnh tháo lui, khiến Cao-Thắng vội vàng lên một sơn-trại gần đấy cấp-cứu.

Vài giờ sau, thắng ru lên mấy tiếng rồi dãy chết, vì thương-tích nặng quá.

Hôm ấy là cuối tháng 10 năm Quý-tị Cao-Thắng hưởng thọ 29 tuổi.

D-hai đưa về đại-trại ở Ngàn Trươi, liệm vào một cây to, khoét gĩa. Phan vỗ vào lưng-cửu, khóc gào thảm thiết:

— Trời hại tôi! Ông Cao-Thắng ơi!
Lễ quàn-tàng cử-binh long trọng. Chính tay Phan viết câu đối thờ sau này:

« Hữu chí phát thành, anh hùng dĩ hĩ.
« Vì tiến tiến tử, thiên ý ư hà.

Nghĩa là:
« Có chí chưa nên, người giỏi đã khuất
« Chưa thắng đã chết, lòng trời tình sao

Sự thật, Cao-Thắng mất đi, không khác nào bị gãy cánh tay phải của nghĩa-binh họ Phan.

Đến ngày chùng-thất, trong quân lại đặt một lễ tế cảm-dộng, Phan sai Bang-Nhu, một ngọn bút sắc sảo nhất trong nghĩa-binh (sau bại trận bị Nguyễn-Thần bắt, đưa về kinh xử-chém), soạn một bài văn tế-nôm, văn chương lâm-lý, tình

từ thống thiết, đọc lên ai nấy cũng nhỏ nước mắt.

Gặp quốc-bộ đang đang con binh cách nghĩa giúp vua chúng nổi ăn u,

Bỏ gia-dinh theo việc nhưng -đạo, công đánh giặc riêng phận lao tụy

Đĩa-bỏ muốn theo giòng Nhạc-mục, thế nhưng bảo từng ghê trận oai linh;

Thiên-tử toan học chức Võ-hầu, cựa súng đạn biết bảo chúng cơ-trí!

Đó là mấy câu tả-thực sinh-bình Cao-Thắng đã bỏ nhà vì nước và cơ tài trí chế tạo ra súng đạn kiểu tay cho nghĩa-binh dùng, khác nào Không-minh ngày xưa chế ra trâu gỗ 1 ngựa mây vậy.

Có chỗ đáng khâm hơn nữa, là hôm nay Cao-Thắng nhắm mắt từ già cõi đời, ngày mai lực lượng kháng-chiến của họ Phan — tức là cả phong trào văn-thân ở Nghệ-Tĩnh bước dần dần vào cõi suy-mòn, rồi hai năm sau thì đổ hẳn với các chết bệnh của chính họ Phan. Ai bảo một người mất hay còn, chẳng quan-hệ gì cho đại-cuộc?

ĐÀO TRINH NHẤT

CÁC NGÀI NÊN DÙNG :

Dầu Hôi - Sinh

Trị chứng cảm sốt, nhức đầu, đau mắt, v.v...
cho các vị trí và bệnh khác. Công hiệu như thần

NHÀ THUỐC THÁI-CỒ

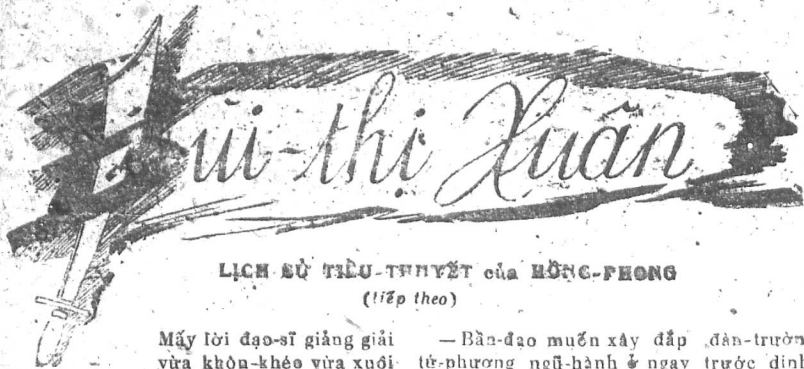
52, HÀNG BẠC — HANOI

QUY NGÀI CHỈ NÊN DÙNG XI-GÀ VÀ TABAC

LION và MICANOH

(Em giọng và hát rất thong)

Bán buôn tại: PACIFIC, 280 phố Huế HANOI — Tam-Cường, 50 Hàng Đường



LỊCH SỬ TIỂU THUYẾT của HỒNG-PHONG
(tiếp theo)

Mấy lời đạo-sĩ giảng giải vừa khôn-khéo vừa xuôi tai, như gãi đúng vào chỗ ngứa của Ngô-Cầu là người kiêu căng, tham vọng, mà lại mê-tin dị-doan. Giờ thấy nét mặt Ngô-Cầu trở lại tươi tỉnh, hớn-hở, đứng vẻ tự cao, tự đắc:

— Hả há! Trường là việc khó khăn thế nào, chứ làm đàn chạy siêu độ thì ta có thể aay nói mai làm được ngay. Vậy công việc thiết lập đàn chạy, tôi ủy thác cả cho ông, ông trông nom giúp tôi nhé!... Quân lính bộ-hạ của tôi đó, tha hồ ông sai khiến phục dịch!... Đồ mã phải làm đủ thứ!... Ta lập cả đàn Mông-sơn, phá ngục!... Với hết thầy tăng ni ở Thiên-mụ và các môn-môn về đây!... Tóm lại, tôi không ngại sự tốn kém, cứ việc làm đàn chạy thế nào thật lớn, thật sang, thật trọng-thể, chẳng những siêu độ vong hồn, lại cứu tất cả binh-sĩ nhân-dân ở thành Phú-xuân này, cùng được lễ bái, cùng được bố-thí, sao cho xứng đáng là một đàn chạy của quan Trấn-thủ đứng làm, mà người ở đây suốt giờ chưa hề được thấy!...

Đạo-sĩ trước làm bộ từ chối công việc to chức mà Ngô-Cầu định giao cho mình, sau nài-nỉ mãi thì mới chịu nhận:

— Bần-đạo muốn xây đắp đàn-trường từ-phương ngũ-hành ở ngay trước dinh, cho ra vẻ một đàn chạy của bậc vương-công quyền-quý nhất đời!... Thế tất phải dùng đến quân-sĩ, cờ xi, gươm đao, để bố-tri cho cực uy-nghiêm, nhưng e quân-sĩ không chịu tuân lệnh một thầy-sãi thì làm thế nào?...

— Điều ấy ông chớ lo! Tôi sẽ hiệu-lệnh tất cả tướng-sĩ bộ-hạ phải thuộc quyền ông sai phái, cất-dặt, kẻ nào bất tuân thì có quân-pháp.

— Nếu vậy thì bần-đạo xin phụng-mệnh. Nay mai ngài treo lên tột bức tôn-vinh hiển-hách ở đời, bần-đạo chỉ xin ngại nhờ công-lao hôm aay mà cho một ngôi chùa nhỏ nhỏ làm chỗ tu-hành, dể trọn đời ôm chân bập bồng ngài, thế là mãn nguyện.

Ngô-Cầu vui cười hê-hà, không ngần ngại khời-hài với một thầy tu:

— Cứ việc tận tâm tận lực giúp tôi đi!... Một mai ông muốn rước cả chị Hằng xuống ở chung ehồ đỡ buồn, tôi cũng cho ngay.

Đoạn, lại nói tiếp:

— Ông tính xếp đặt đám chạy này vào khoảng nào thì có thể cử hành được?

— Bẩm, xin nhất-dịnh vào châu hạ-tuần tháng 5 này! đạo-sĩ tính đốt ngón tay rồi trả lời nhanh nhẹn.

Hôm ấy là 27 tháng 5 năm Bình-ngọ; đàn chạy linh-dinh của Phạm-Ngô-Cầu thiết-lập đã đến ngày thứ năm hay thứ sáu, rộn rục cả thành Phú-xuân.

Hộ-binh và thủy-binh Tây-sơn đông như kiến, hiện như ma, nhanh như gió, rầm rộ đến sát chân thành, giữa lúc bên trong: chuông trống đàn chạy đang inh-ỏi, hàng trăm vị sư đang tụng kinh ở ở, Phạm-Ngô-Cầu đang lấy nghi-ngủ, quân-sĩ đang say sưa vì được ngồi-ngồi, một môi vì đã phục-dịch.

Nếu đội quân cảnh gác không nhanh tay kịp đóng cửa thành lại, thì dễ thường quân Tây-sơn vào thẳng đến trước đàn chạy, bấy giờ người ta mới biết.

Nguyên từ hôm Nguyễn Phú-Nbư đi sứ vào Quy-nhơn đem nội-tình Phú-xuân kể cho Cống-Chính nghe; Cống-Chính liền khuyên vua Tây-sơn nên thừa cơ-hội này phát binh đánh úp lấy Thuận-hóa, để mở mang thêm rộng bờ cõi. Thái-dúc hoàng-đế ý theo lời sấm ấy, lập tức phong ngự-đề Long-nhuông tướng-quân Nguyễn-Huệ làm nguyên-soái, Tổng-thống quân-vu; phò-mã Võ văn Na-hàm làm tá-quân đô-đốc; Nguyễn-bửu Cánh làm hữu-quân đô-đốc, dẫn binh thủy-lục; phân làm ba đội cùng tiến đánh Phú-xuân.

Nam-quân — tức quân Tây-sơn — khời hành ngày 13 tháng 5, đến ngày 24 thì bộ binh qua Hải-vân-quan; đối với phương pháp giao-thông và cuộc hành-biên ở đời bấy giờ, như vậy kể là nhanh chóng. Hoàng-ngũsà Hồ, Tướng Trịnh giữ đồn An-nông là đồn địa-dầu, bị đánh bất

ngờ tất cả bốn mặt, chết gục trên mình voi sau khi kháng-chiến đã kiệt lực. Nam-quân chen đường chém giết và bắt trộm Bắc-quân, không để một tên nào chạy thoát, ra Phú-xuân cáo-cấp. Thành ra Nam-quân ung-dung đến thẳng trước mặt thành trì.

Đang lễ hi-hạp, nghe dưới đàn chạy xao xuyến, bộ-hạ chạy xuôi chạy ngược, kêu gọi nhau tăng quân tiền đội giặc Tây-sơn đã tới đóng trước thành, Ngô-Cầu xam ngắt mây mặt, tim lười, luống cuống cả người, vội vàng chạy xuống dưới đàn, xuy: vấp ngã hai ba lần, đứng ai nỡ người ấy lại mà hỏi đền hồi đẹp, thối chẳng ra hơi:

— Chết chưa!... Giặc... giặc đã đến chân thành ta, thật... thật à?

— Dạ, bẩm cụ lớn, thật thế!... Chúng nó đến den như Kiến ở trước cửa thành kia kia!... Xin cụ lớn hiệu-lệnh kháng chiến thế nào không thì hỏng mất.

Một viên vệ-úy trả lời Ngô-Cầu thế rồi, vội vã cầm đầu chạy miết về trại, Ngô-Cầu lại gọi gọi người khác mà hỏi:

— Trời ôi! Quân giặc có cánh bay từ trên mây sa xuống ư?

— Bẩm, không biết chúng nó ở trên trời hay ở đâu sa xuống, chỉ biết chúng nó hiện đông hàng hà sa-số ở chân thành, đang trổ súng thần-công, sắp sửa khai-pháo!...

Người bị hỏi là một viên xuất-đội, trả lời xong rồi cũng tìm đường chạy nốt.

Phòng trà lịch-sự,
thanh-khất, vườn,
có nhận đặt tiệc trà
ở tại tư gia.

VĂN-HƯƠNG

Trong hàng ĐỨC-NGHI

22 Hàng-Đào, Hanoi — Giấy in: 690

TUYẾT-PHẠM

Bách Ca-la-men, Sân
duyên, Ba-tê, Bánh-Tèo,
Chả giò Saigon, Bánh tôm,
Kem Socola, Vải và da
thủ giá rẻ

Tất cả đàn chạy rối rít, mạnh ai nấy chạy. Các ông sư bà vãi óm áo cà-sa, cồng chuông mõ, linh-quỳnh (lưu-tán như vịt). Quân sĩ phần nhiều uể oải, đi không muốn vững, vì đã phải khổ nhọc phục dịch mấy hôm. Lăn chú vênh vào buồng binh như Tam-phả kiêu-binh ở Thăng-long, bàn nhau thoát thân cửa hậu, chắt tội gì đánh nhau với giặc mà chết.

Thấy tình-hình rối loạn, lòng quân tan lìa, càng bối rối hoảng-sợ già, lại không biết làm cơ ứng biến thế nào, chỉ thấy mặt tái không còn sắc máu, chân thì run lẩy bẩy, vừa đi chấp-choạng vừa hô gọi lộn tít:

— Quân ta lên cả mặt thành ứng chiến, mau mau!... Đi tìm ông Phó-tướng lại đây cho ta!... Còn ông đạo-sĩ đây? Bay mới ngay vào điện để tạo sai bởi một quả, xem việc hành binh cái hùng ra sao cho biết!...

Tình cờ, Phó-tướng Hoàng-dinh Thê vừa đến nơi, đã nạy nít chính tể, cốt tìm Ngô-Cầu để bàn việc quân và chờ tướng-lệnh. Nghe rõ mấy lời sau chớ, Ngô-Cầu vừa mới lướt ra, Đinh-Thê cười gằn và nói:

— Chết rồi! Giờ khắc này mà ông còn mô-tướng ông đạo-sĩ nữa à?... Đạo-sĩ gì? Nó là tay gian-tế của quân giặc sai đến Phú-xuân trước để xem xét binh-hình, và bày trò di-đoan để tráo ông đó... Bây giờ chỉ có việc kháng chiến đảo-đề, không thì chết tươi cả lũ!

Ngô-Cầu tròn mắt tròn xoe, dấn tới bắt binh vệ khiển Đinh-Thê bước tới đạo-sĩ, nhưng không muốn cãi nhau về chuyện đó vội, hảy lo cái đặt việc quân khẩn cấp hơn:

— Ta phân binh ra làm hai, tôi ở trong gò thành, ông đem quân ra ngoài đối địch với giặc nhé!

— Thưa ông, đây là tướng-lệnh, hay chỉ là một ý-kiến nói giả-tử mà nghe-thế thôi? Đinh-Thê cau mặt hỏi, có ý bậm-hực, vì bấy lâu vẫn khinh ghét Ngô-Cầu!

— Đây là tướng-lệnh, không phải chuyện chơi! Ngô-Cầu trả lời quyết-liệt.

— Vâng, tôi xin đem quân ra ngoài thành đối địch! Đinh-Thê nói và quắc mắt nhìn Ngô-Cầu chăm chăm. Nghĩa là ông đem cái chết mười phần chắc mười, đặt lên mình tôi đấy!... Được rồi, Đinh-Thê này quyết chiến với giặc đến cùng, đâu có sợ chết. Thôi xin chào ông, để tôi đi làm việc nghĩa-vụ; tình thế khẩn cấp lắm rồi.

Đinh-Thê nói đoạn, day gót đi liền. Giữa lúc ấy súng thần-công của Nam-quốc ở ngoài bắn vào trong thành dùng-dùng, đốt cháy nhà dân và dinh thự nhiều chỗ.

Mấy hôm nước lũ trên rừng đổ về như thác, mặt nước sông Hương dâng lên cao, súng thần-công Nam-quân đặt trên thuyền chiến, có thể nhắm bắn vào thành rất trúng đích.

Tuy vậy, đạo binh Hoàng-dinh-Thê dựa lưng vào thành, đánh nhau với Nam-quân ở trên bộ cực kỳ anh-dũng, khiến Nam-quân không thể lại gần mà hòng hãm thành. Có khi Đinh-Thê lại bắn chìm một hai chiến thuyền Nam-quân ở trên sông Hương, mà súng thần-công của đạo binh Ngô-Cầu đặt trên mặt thành bắn ra, rõ ràng được thể trên cao đánh xuống, lại không ăn thua gì, đạn chỉ rơi xuống nước lồm bồm, làm khổ-bay cá vô tội thì có.

Xông pha mồi tên hòn đạn, Đinh-Thê ngang-nhiều cỡi voi đi lướt trận ở trên mé sông, nhận rõ Công-Chính ngồi trên một chiếc thuyền chiến đi xuôi, cất tiếng gọi to và nói:

— Chào ông Công-Chính, đi đàn mà vội vàng thế?... Ông đi rước voi thiên hạ về đây đập mõ-vả ông bà, tâu sát anh em đồng-loại thế này, anh hùng đấy nhỉ?

Chính nghe nói đàm hòng, có ý hồ-thầm, lại trông rõ Đinh-Thê, không nói năng gì cả, chỉ ra hiệu cho quân thủ-hạ bắn phóng lên bờ một loạt dọ đâm chọc mũi tên, và hồi thủy-thủ chèo thuyền cho mau, đi thẳng.

Tối hôm ấy, Huệ với Chính tới bàn-doanh doanh ở Phú-cam, thương-lượng quân-sự.

— Viên tướng Bắc-quân cỡi voi đó, tên là gì? Huệ hỏi Chính. Người đã có tuổi mà tôi xem rõ là một tay thiện-chiến đảo-đề.

— Bẩm thương-công, hẳn là Hoàng-dinh-Thê, tôi biết, Chính đáp.

— Có phải là bộ-tướng của Việp-quận công Hoàng-ngũ Phúc, từng theo ông này vào Quảng-nam, đã giao chiến với quân ta ở trận Cẩm-tệ năm xưa?

— Thưa, chính là hãn ta.

— À, Đinh-Thê là một trong số năm hồ-tướng Bắc hà, có tài thiện-chiến nổi tiếng, tôi nhớ hình như người đang-ngoài đã gọi hãn ta là « Lão-tướng Hoàng-Trung », có phải thế không?

— Bẩm có thể.

— Nếu vậy thì ta phải tìm cách trừ hàng cha ấy trước, mới có thể mau hạ được thành Phú-xuân... Mấy hôm nay hãn ta kháng-chiến rất-quá!... Tiên-sinh bản cô diêu-kể để nhờ cây đinh trong mắt, lể mũi gai cần đường ấy đi?

— Thương-công chẳng hỏi, chính tôi cũng đã có ý muốn bằm-bách về chuyện đó. Thưa, Phạm-ngô Cầu là phường nhút nhát bất-lạ, thì nghĩ đến nhiên ở ngôi chủ-tướng, còn Hoàng-dinh Thê lão-thành thiện-chiến, lại phải phụ-thuộc dưới quyền một kẻ thua kém mình đi mặt.

(còn tiếp)

Chống nạn thất học

(Tiếp theo trang 3)

và dễ dàng, sẽ được o'ặc phát không về cho các làng, hoặc bán theo một giá rất rẻ, bất được nhà neo cũng phải có một quyển. Hương-lý mỗi tháng hai tuần mang một, ngày rằm phải nộp tại đình hay tại chùa, đọc sách một lượt và giảng cho lũ cả trẻ con người lớn trong làng nghe hiểu, khiến cho ai nấy đều có một ý-niệm rõ-rệt về quốc gia, về sự giúp nước, về quyền lợi, nghĩa-vụ làm quốc-dân. Ni'ưng lời rêu sách người ta nghe n'ài, độ, mắt đến thuộc lòng cả đồ-sự, ư-thủ, khuy'á-khích của thanh-niên, của họ-mục người ta luôn luôn thực-hành các lời dạy trong sách đến thành như nói quen lư nh'ân.

Bấy giờ thì ta mới có thể tự bảo rằng công cuộc chống nạn thất học đã thành công b'ậy.

LÊ VĂN HÒE

Không-từ học-thuyết

Chúng tôi vừa nhận được cuốn « KHÔNG-TỪ HỌC-THUYẾT » do ông bạn LÊ-VĂN-HÒE biên soạn và QUỐC-HỌC THƯ XÃ xuất bản. Đó là cuốn sách giảng giải rõ về các danh-từ đã dùng trong các sách của KHÔNG-TỬ, phạm ai muốn hiểu Không-học phải biết qua các danh-từ đó trước đã.

Sách dày gần 200 trang, giá bán 11 \$ 50 (Bắc-bộ) và 12 \$ 50 ở (các nơi).

T.B.C.N. SỐ SAU:

Thi ra Hải-phòng nhật-báo cũng đồng-ý với Trung-Bắc Chủ-Nhật

Tên phản đảng B. T. M.

(Tiếp theo trang 7)

điên đăm tâm với một tên khác, y có thủ thư lảng, lúc mới nghe tin đó, y như phát cuồng phát dại, tay chân tự nhiên công cả đi mà mồm thì vờ ra như thể một người hoạt động. Y yêu chỉ rằng sẽ bị bắt chết và dần thì sẽ bị bắt ngay ở cửa nhà Thông-tin.

Đó chỉ là một điều quá lạ, nhưng việc đó càng cho ta thấy rõ cái tâm địa đón hèn của y: phản bội, lừa dối, làm mặt phăm cho học-dân Pháp để hại rồi, hại giồng, tội chết cao bằng giới, mà đến lúc này vẫn còn tham sống sợ chết và vẫn còn muốn chạy trốn và nếu có thể được chạy thoát để cho không bị bắt. Nhưng y nghĩ làm. Cái gì đáng mà cho được?

Sáng 17, đoàn thanh-niên Thái-bình tới nhà y ở Thủ-ti - một cái nhà ở tầng gác xây bằng đồng tiền khổ nạn lúc làm mặt-phăm và trong cuộc đời làm quan.

Nhà đó bây giờ rất sang. M. bị bắt ở trong giam nhà khác, giữa lúc y đang thu hình ảnh ở nước chế biến một cái sập khảm chân quý. Mặt y xanh nhợt, mắt trắng, hai cái tai như tai ráu vênh ra má, bẹp, rõ ra một quan viên chức sắc trong làng hát thờ thần đêm khờng ngủ. Người nhà y thuật rằng đêm trước, y sợ sợ đi đi lại lại ở trong nhà cả đêm và đã không hạ giọng thì thổ huyết. Bệnh này y mắc đã lâu rồi - từ khi có Giang-tử - mỗi lần lo nghĩ hay phiên bực điên thì lại phát ra mà phát nặng, có ngày thổ ra huyết đến năm, sáu lần.

Quả báo.

nhân liên chẳng?

Như thế rõ ràng, thừa M. đi theo đoàn Thanh-niên lên tỉnh, mặt lúc nào cũng sầm lại, cái không còn hạt máu.

Vợ y sợ, trốn vào trong một cái vại thố:

và đôi nửa tiếng đồng hồ mới dám lộ mặt ra. Con vợ lẽ thứ ba của y khóc khóc khóc theo và tưởng rằng là hết đời anh nghiệt. Ở này người làng Thủ-ti, lấy y có đến một năm nay bởi vì vợ y y hèn sinh ra đố kỵ. Theo lời người nhà y thuật là chỉ từ ngày y cao các bạn đồng chí, từ hôm hôm, phải được cái hồ lên chức tri phủ để cầm này về hưu với cái hàm bộ-chánh, y đã lấy thêm bốn năm nòng hầu, nhưng không người nào ở đến được ba tháng, từ đó có ba này để sinh đẻ một lần - nhưng có phải là quả báo nhân liên chăng? - để được một con ra thì lại con đó lại là một cái quái thai, chỉ có một mắt, mà ở đằng sau lại có một cục thịt dài như cái đuôi dài cả, ra đời được bốn ngày thì chết.

Về đường hành phục, từ ngày phản đảng, bán lịch hồn cho quỷ, thừa M. sáng khổ tâm. Y nghĩ, tại sao bệnh khất-huyết, thành thử tiểu tiện đứt trong khi làm quan, không ăn được vào mồm. Phải là do phước.

Người ở chung quanh đã lại rồi mà chuyện rằng y con sợ có thể bắt, đặc kỳ tử, chết không được phải một ai trong nhà nấp vì tội vi có kiếp, đa ngộ (tướng phước) v. cho đến bị bắt, vậy y đã chứng, mà chứng đó về tụng kinh trong nhà để ăn chay, xưng hối.

Làm lẽ ta lại.

Chín giờ bốn mươi phút, đoàn Thanh-niên đi hàng hướng dẫn và có đoàn Thanh-niên đi hàng hướng dẫn, theo sau, thừa M. hớn vào nhà Thông-tin. Chàng y, run rẩy không bước được, một người phải đẩy vào.

Ở đây không người để đợi sẵn và đến nghìn lần để trông chờ ở cổng cửa mặt của tên phản đảng. Y lắp bắp, chửi thề, mặt đỏ như, mồm đỏ máu, đi các cách hẹp; mặt đỏ, mắt trắng, vai bẹp, như một tên chết đói. Mọi người phải lùi và ở chỗ này anh Nguyễn-thái-Học, ngay chỗ đó mấy hàng chữ "Quốc dân thành kính, biết ơn những nghĩa sĩ đã hy sinh cho tổ-quốc", nhiều người si-sao.

Nhưng đoàn thanh-niên rất từ tốn, hòa nhã. Một tiếng ầm vai B. T. M. không biết quý trọng khi hai ông khác khơi lại địch-trăm ở trên bàn thờ Nguyễn-thái-Học và chữ liệt-sĩ. và B. T. M. quý trọng (gặp) tuyên bố tội trạng của y. Thủ-thư tưởng lại có một người thổ ra như thể được một gánh nặng ở trong lồng ngực. Vài người si-sao mấy chữ khờ nghe. Còn tất cả đều thấy lạnh mình vì tự nhiên thấy đôi mắt nhà chí sĩ Nguyễn-thái-Học nghiêm凛凛 như bảy lửa, trừng trừng nhìn vào tên phản đảng B. T. M.

Không muốn duy vật thể nào thì duy vật, chứ đến cái trường hợp này thì phải tin có. Trời xấp đặt đất, trời định liệu đó; người ta gieo gió thì được gặt bão mà cái nhân xấu không đời nào có một cái quả tốt nở ra.

Trước, nhắc đến tên Nguyễn-thái-Học có thể là một cái tội và B. T. M. có thể tưởng rằng mình sẽ sung sướng bởi đời. Nhưng trời gần lắm. Cho nên hôm nay ta thấy M. phải quý trọng nhà ái-quốc Nguyễn-thái-Học.

M. không còn phải là người nữa, nhưng thực như cún... hổ dữ, báo cái gì làm cái này.

— Lấy ba lấy l - M. lấy ba lấy.

— Tiên lên, cúi đầu. - M. tiên lên cúi đầu.

— Đi lại tại. - M. đi lại tại.

— Thôi cho ra. - Về M. ra.

Càng những lúc này, người ta càng thấy rõ sự đê hèn trong tư cách của M. những tuy vậy, có người cũng lấy làm thương - thương cho y sao không được sinh ra làm kiếp khác, yên thân, tại sinh ra kiếp người làm gì, đi tổ cáo đảng mình để đến bây giờ như thế thân thể như vậy, mà làm xấu hổ cả giống nòi như vậy.

M. hối hận và hứa những gì?

Trong M. ra đứng một chỗ riêng, hai tay chấp lại, mặt cúi xuống, tim đập và nhức nhối. Không ai đứng gần y. Đán-tận khi ra về, một ông ở trong đoàn thanh-

niên mới lại gần chất-vấn về cảm-tưởng của y về lễ truy-niệm này. B. T. M. giả tăng khế sự sệt như một đống trẻ hư và tuột miệng nói van rằng mình đã hối lỗi và quý xin từ nay tu-tỉnh.

Ta hiểu được, chàng hèn. Nhưng Hitler đã nói thì một tên phản đảng lần thứ nhất sẽ phải đứng lần thứ hai và lần thứ ba.

B. T. M. bước vào trước bàn thờ quý thầy Nguyễn-thái-Học lần nữa và nói với đoàn thanh-niên:

— Tôi còn to lắm, lễ như thế này không thể nào chuộc được một phần nghìn. Vậy con xin thầy rằng từ giờ cho đến chết, con sẽ tu thân và xưng hối; và con tự xin thầy thêm một cái rằng: con sẽ sửa một lễ vật để gọi là chuộc tội trong vườn một nhành tội ác thầy nói con đã làm.

Lễ vật đó là gì?

Lễ vật đó là gì? Chưa ai biết, và có lẽ đến tận hôm nay, đoàn thanh-niên Thái-Bình cũng không biết nữa. Có người đoán rằng thừa M. không còn, mà bệnh nặng, có ý muốn đem một số tiền cúng vào công việc dựng bia Nguyễn-thái-Học và chữ liệt-sĩ trong nghĩa liệt từ sẽ xây ở Thái-bình. Nhưng người nghĩ rằng nếu thừa M. quả có ý kiến đó thực thì nhất định không nên lấy, bởi vì cái tiền của thừa M. là tiền bẩn thỉu thối tha của y bộp nạn dân đen và lãnh của bọn Pháp thực dân sau khi bán xương máu của các bạn đồng chí cho kẻ thù.

Nghĩ như thế, cũng phải. Nhưng sao ta lại không thể nghĩ thêm rằng đó là tiền ăn bẩn, thật, nhưng trước sau cũng vẫn chỉ là tiền của nước ta? Tiền đó, nếu quả thừa M. thành tâm cúng thật, đoàn thanh-niên Thái-Bình rất có thể dùng để lập một cái đền thờ Nguyễn-thái-Học và chữ liệt-sĩ, theo kiểu đền thờ của Nhạc-phỉ nước Tàu.

Có nhiều ta ở đó, B. T. M. sẽ là Tân Chủ, để cho bị vào lễ đến cũng lấy đầu y làm cái mồi gỗ trước khi hành lễ.

NGUYỄN VĂN HÒA

De Gaulle cần phải kết tội...

(Tiếp theo trang 6)

xiêu nhất là biết và dám. Biết trông, biết nghe, biết tìm và dám nghĩ những chuyện vĩ đại và dám thực hành những chuyện đó thành sự thực.

Nga đã đem thực hành cái sáng kiến chế chiến xa không lồ.

Đức đã đem thực hành cái sáng kiến chế bom bay.

Mỹ đã đem thực hành cái sáng kiến chế phi cơ vĩ đại.

Nga, Đức và Mỹ là ba nước đã dám nghĩ, dám làm, dám sống, — và sống mạnh.

Vậy, theo tin Dornet, nhà hóa học kiêm lý học Georges Claude, người sáng chế ra bom bay, đã bị chính phủ «gỗ lốt» mang ra tòa và kết án xử giam chung thân vì đã bán xướng hóa học của ông ta cho Đức.

Tôi tưởng nếu cần phải kết án thì kết án nước Pháp trước đã thì hơn. Tại sao nước Pháp lại không biết xử dụng nhân tài? Tại sao nước Pháp lại để cho sau một đực khoét? Tại sao nước Pháp lại không đem những cái sáng kiến vĩ đại kia ra thực hành?

Tôi không tưởng rằng tướng De Gaulle lại dốt đại thế dân, bởi vì nếu thật là người ta kết tội Georges Claude thì chính De Gaulle lại cần phải kết tội De Gaulle trước: ông đã «sáng kiến» đem chiến xa không lồ áp dụng vào chiến tranh khoa học mà tại để cho Nga đem thực hành.

Không, đó chỉ là một cái «cớ», đó chỉ là một cái «dip», theo thiên kiến của tôi.

Cứ công bình mà nói, De Gaulle chưa chắc đã là một tướng vô tài, vô tri. Bây giờ không phải là lúc ngồi kể tội của ông ra, nhưng dù là thù ghét nước Pháp thực dân đến bực nào, tôi vẫn cứ phải nhận rằng De Gaulle phải có một cái gì cho nên mới giữ được cho nước Pháp được một địa vị như ngày nay vậy.

Việc Syrie — Lyban là một sự thất bại của De Gaulle trong công cuộc đấu trí với Anh, nhưng trong công việc xử giam chung thân Georges Claude, ông không thể là một người ngu dốt.

Biết đầu trong việc xử giam này lại không là một thâm ý của ông? Tôi không thể tưởng tượng được một nước như nước Pháp lại chịu thua một cách nhục nhã đến thế không có một ý niệm gì về sự phục thù... không có một ý niệm gì về sự phục hưng...

Tôi nghĩ rằng bây giờ có lẽ chính là lúc De Gaulle ra tay xử lại những điều làm lỗi của nước Pháp trước kia: tôi nghĩ rằng có lẽ chính lúc này là lúc De Gaulle dụng kế để gọi nhân tài về nước; tôi nghĩ rằng lúc này có lẽ chính là lúc De Gaulle muốn sửa soạn để tẩy lại cái địa vị «ưu thắng của nước Pháp cũ... và biết dân... chẳng là để sửa soạn đối phó với các nước địch nếu Nga và Pháp thỏa thuận đi với nhau trên một con đường.

Sinh vào thời buổi này, nhân tài cũng như đồ vật quý, bị cướp đoạt như chơi mà ban Intelligence service của Anh thì lại có tiếng là tài về khóa... àm sát.

Chẳng biết có phải tướng De Gaulle xử giam chung thân Georges Claude là vì cái thâm ý bảo toàn cho Claude để rút cái phương pháp sáng chế bom bay ở trong ruột Claude ra và lợi dụng khối óc không lồ của Claude để quảng vào mặt nhân loại một thứ sự phát minh kỳ quái mới?

VŨ BĂNG

Chữ quốc - ngữ có thể...

(tiếp theo trang 11)

Hình thức và cách xếp đặt màu trên hai lá cờ chữ ô và chữ o cũng giống hình thức và cách xếp đặt màu của lá cờ chữ o quốc-tê chỉ khác ở chỗ: cờ chữ ô, hai màu trắng, đỏ, và cờ chữ o hai màu đen, đỏ.

Lá cờ chữ l" giống lá cờ chữ l" quốc-tê chỉ hơi khác là hai ô màu trắng thay bằng hai ô màu vàng.

Nói tóm lại, bảy lá cờ mới đều dựa theo kiểu những lá cờ cũ và cũng na-nà giống nhau, như thế vừa dễ cho trí nhớ, vừa tránh được sự nhầm-lẫn đáng tiếc với những chữ khác. Nền là cờ chỉ nam dân, hình chữ nhật và dùng nền trắng trên có hình màu đỏ:

Cờ dân sắc có vạch đỏ chéo như dấu ô.
Cờ dân huyền có vạch đỏ chéo, trái chiều với hình trên.

Cờ dân hột có một vạch đỏ ngang và một vạch đỏ chéo (hình dấu hỏi).

Cờ dân ngũ có ba vạch đỏ chạy chữ chi, giống như dấu ngũ.

Cờ dân nặng là một vạch đỏ nhỏ.
Những điều cơ trên đây cũng dễ nhớ vì trong cơ dân nào cũng có thể thấy ngay dấu ấy rồi.

Với 27 lá cờ có sẵn trong luật hàng-hải quốc-tê và 12 lá cờ chế ra, hải-quân

và hàng-hải thương-thuyền của nước Nam ngày mai, có thể dùng «quốc-ngữ» mà trao y, đòi lại những khi hoạt-dộng ngoại khơi hay đi vào cấp bến.

Khi đó, nếu truyền tin không quan hệ nay mình-lên thương, sẽ dùng quốc-ngữ phổ thông, nếu truyền tin quan hệ hay ban bố những mệnh lệnh sẽ có một lối «nói lòng» riêng mà chỉ có binh-gia am hiểu. Được đem dùng trong việc hàng hải, cử «quốc-ngữ» sẽ không chịu thua kém bất cứ một thứ chữ nào trên thế-giới, về sự rõ-ràng, gọn ghẽ vì một nước mà đã từng có hai nghìn năm lịch sử với một dĩ-vãng vẻ vang thì không khi nào tiếng nói của dân-tộc nước đó lại có thể bị rơi tiếng nói của những bộ lạc kém hơn trên thế-giới.

NGUYỄN HUYỀN-TÍNH

XIN CHÚ Ý

Hàng giờ vì sự vận-tải khó khăn, nhiều thư thuốc của hiệu Đại-Quang, bán hết từ lâu ngày, vì thế nhiều kẻ mạnh tìm làm giả-mạo, nhất là Cao-Tích-Lân và Tuấn-Nhiệt-Lân, chúng thường hay mang bán các chợ thôn-quê và trên tàu, xe, mong các quý khách chú ý đến tín hiệu chúng lớn-lên, kẻo tiền mất tật mang uổng vào thêm hại.

ĐẠI-QUANG ĐƯỢC PHÒNG
23 Hàng Ngang Hà Nội, giây nới 805

XI GA thơm nhẹ hơn hết (hút rất thông) dùng thay thuốc lá rất tiện và lịch-sự:

EROS... VIRGINIA

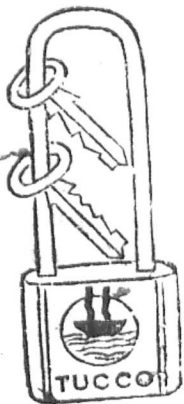
Bán buôn tại: Phúc-Lai 87 Phố Huế Hà Nội, giây nới 974
Đức-Nghị 22 Hàng Đào Hà Nội, giây nới 690

Đào Nhị-Thiên

Trị bệnh kinh, kết từ 1939

NHỊ-THIỆN ĐƯỢC PHÒNG

10, Phố Hàng Núi, Hà Nội — Téléphone 649



KỀ THỦ SỔ MỘT CỬA GIAN ĐANG ĐẠO TẠC
CHÍNH LÀ CÁC THỨ KHÓA BẢO AN

TUCCO — B.V. — «S»

THẦN GIỮ CỬA — BẤT-KHẢ SÂM-PHẠM

Bán tại nhà chồ-tạo

ĐẠI-VIỆT 19, PHỐ CỬA NHÀ THỜ LỚN HÀ NỘI — Biấy nói 1242

RĂNG TRẮNG KHỎI SÂU THƠM MIỆNG
vì dùng:
thuốc đánh răng
GLYCERINA

PHÒNG XEM BỆNH
BÁC-SỸ PHÁT

21 phố hàng Đũa
(Lý-thường-Kiệt),
sau phố Sinh-tử,
cạnh viện Tê-sinh.

Buổi sáng: từ 7 30 giờ đến 10 giờ 30
Buổi chiều: từ 4 giờ đến 7 giờ

GIẤY *Phong lai*
43
PHỐ HÀNG ĐIỀU
KHO 3 ĐẶC ĐIỂM
KIỂU ĐẸP
ĐÁ TỐT
GIÁ HẠ

MIẾNG GIẤY PHONG-LAI SÁNG LẬP TỪ NĂM 1907 LÀ
MỘT MIẾNG GIẤY TỰO L TÍN NHIỆM NHẤT HÀ THÀNH

ĐÃ CÓ BẢN:

KHẢO-CỨU VỀ

Tiếng Việt-Nam

của TRẦN NGÂN — Giá: 2p.50

Cuốn Khảo cứu về tiếng Việt-Nam của ông
Trần-Ngân sẽ giúp các bạn nói cho đúng,
viết cho đúng, hiểu rõ nguồn-gốc, và
nghĩa tế-nhị của tiếng nước nhà. Các bạn
còn biết cách làm các lối thơ, phú, từ-khuc,
và còn được, thường-thực những áng văn
kiệt-tác, trong văn-học-giới Việt-Nam

Bước đường mới

Chuyên dài lý-lưỡng
của DƯƠNG-NGA — Giá: 3p.00

KIM-TỰ-THÁP

Sách khảo-cứu về khoa-học
của PHAN QUANG-ĐÌNH — Giá: 2p.00

Mua lẻ mỗi cuốn thêm cước bảo đảm 0 \$ 70,
tự cuốn thứ hai cước 0 \$ 20

Nhà xuất-bản CỘNG-LỰC

Số 9, phố Hàng Cỏ Hà-nội, giấy nói 962

Tuần-san báo TRUNG-BẮC TÂN-VĂN SỔ...

In tại nhà in Trung-Bắc Tân-Văn

36 — Phố H. d Orleans Hanoi

Số báo in ra.

Quản-lý NGUYỄN-DOãn-VƯỢNG

Handwritten signature: V. L. V.